

Phân tích CAMEL - Cập nhật Quý 2 2019

Cập nhật bảng xếp hạng của 16 ngân hàng niêm yết dựa trên báo cáo tài chính 2Q19

Chúng tôi đã cập nhật bảng xếp hạng của 16 ngân hàng Việt Nam đang niêm yết (đã công bố báo cáo tài chính 2Q19) dựa trên khung phân tích CAMEL, một cách tiếp cận cơ bản để phân tích ngân hàng và tập trung vào các tiêu chí như **Vốn (Capital)**, **Chất lượng tài sản (Asset quality)**, **Quản trị (Management)**, **Thu nhập (Earning)** và **Thanh khoản (Liquidity)**. Để biết mô tả chi tiết về phương pháp CAMEL, vui lòng xem báo cáo ngày 5 tháng 7 của chúng tôi có tiêu đề "[phan-tich/phan-tich-camel-tot-xau-va-dinh-gia-sai](#)". Bảng xếp hạng cập nhật trong báo cáo này dựa trên BCTC 2Q19 chưa kiểm toán của ngân hàng, trong khi báo cáo ban đầu của chúng tôi dựa trên BCTC kiểm toán năm 2018. Bảng 3 trong báo cáo này trình bày chi tiết về 63 tiêu chí cho từng ngân hàng đang niêm yết. NĐT muốn tham khảo dữ liệu liên quan hãy đề xuất với chúng tôi.

Điểm số CAMEL của ngân hàng không tự nó ngụ ý rằng cổ phiếu ngân hàng đó là nên "**Mua, hoặc Bán**". Định giá, kỳ vọng về hiệu quả kinh doanh trong tương lai và việc thảo luận với ban quản lý để hiểu rõ hơn các chiến lược của họ đều rất quan trọng đối với quyết định đầu tư. Tuy nhiên, khung CAMEL cung cấp cho chúng tôi một nền tảng tốt để tìm kiếm những viên "kim cương ẩn" hoặc những "cục than", cũng như một tài liệu tham khảo hữu dụng về xu hướng chung của ngành. **Các lựa chọn hàng đầu trong lĩnh vực của chúng tôi bao hướng tới một chiến lược cân bằng bao gồm 1) Vị thế mua lâu dài với VCB (MUA)** vì đây là ngân hàng thể hiện sự phát triển kinh tế của Việt Nam và **2) Phân bổ cho STB (MUA)** khi cổ phiếu này đang được định giá thấp và có câu chuyện "**turnaround**". Chúng tôi cũng có khuyến nghị MUA đối với BID và MBB.

Tanh Tran
Chuyên viên phân tích ngân hàng
tanh.tran@yuanta.com.vn

Matthew Smith, CFA
Trưởng bộ phận phân tích tổ chức
matthew.smith@yuanta.com.vn

Chủ đề và các yếu tố hỗ trợ

- **Tăng trưởng chú trọng vào thu nhập từ phí.** Thu nhập từ phí đã chiếm 12.1% trong tổng thu nhập vào 2Q19 và tăng +1.2ppt so với quý trước và +1.8ppt so với cùng kỳ.
- **Thu nhập:** đã tăng 18.4% trong nửa đầu năm 2019 so với cùng kỳ.
- **Đẩy mạnh giải quyết bài toán vốn** (giúp tăng LNST).

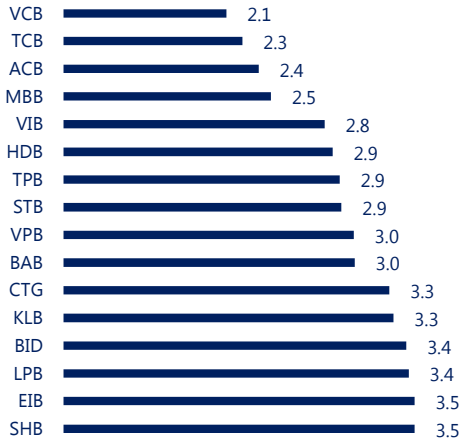
Rủi ro

- **Chất lượng tài sản giảm nhẹ.** Tỷ lệ nợ xấu tăng lên mức 1.7% trong 2Q19, tăng 1 điểm cơ bản so với cùng kỳ năm trước và tăng 7 điểm cơ bản so với đầu năm.
- **Áp lực lên NIM trong nửa cuối năm 2019** khi lợi suất giảm để hỗ trợ cho vay các ngành công nghiệp ưu tiên.

*** Note:** Chúng tôi xác định xếp hạng CAMEL là 1-5 như sau:

- 1: Mạnh
- 2: Hải lòng
- 3: Yếu
- 4: Nghèo
- 5: Không hải lòng

CAMEL xếp hạng 2Q2019



Source: Yuanta Vietnam

VCB thay thế TCB là ngân hàng xếp hạng số 1 theo phương pháp đánh giá CAMEL của chúng tôi. Lượng tiền gửi không kỳ hạn dồi dào của VCB là một lợi thế cạnh tranh cốt yếu của Ngân hàng, thể hiện qua chi phí huy động ở mức thấp trong ngành. Vị trí số 1 của VCB không làm chúng tôi ngạc nhiên, cổ phiếu cũng là một trong những lựa chọn hàng đầu của chúng tôi trong lĩnh vực ngân hàng.

TCB (Không đánh giá) và ACB (Không đánh giá) rời khỏi top 3. TCB rời khỏi vị trí đầu bảng vì chất lượng tài sản suy giảm (Vd: Tỷ lệ nợ xấu tăng lên...) và lợi nhuận suy yếu (Vd: Xu hướng giảm). MBB (MUA) rơi từ vị trí thứ 2 xuống thứ 4, chủ yếu bởi điểm số của tiêu chí an toàn vốn (Vd: Tỷ lệ đòn bẩy cao hơn) và thanh khoản giảm (Vd: LDR vượt mốc 90%).

Điểm CAMEL của STB cải thiện từ mức 3.0 trong năm 2018 đến 2.9 trong quý 2 2019. LNTT của STB trong 1H19 tăng +51% so với cùng kỳ. Quan trọng hơn, tổng tài sản rủi ro giảm từ 22% trong 4Q18 xuống mức 20% trong 1Q19 và 19% trong 2Q19 và tỷ lệ nợ xấu giảm xuống mức 1.96%. Mặc dù quá trình làm sạch bảng CĐKT còn đòi hỏi nhiều thời gian để hoàn tất, nhưng chúng tôi tin rằng câu chuyện "turnaround" của STB sẽ vẫn y nguyên và thích hợp cho những NĐT nắm giữ dài hạn.

Những ngân hàng có điểm xếp hạng CAMEL tốt hơn sẽ xứng đáng được định giá cao hơn so với các ngân hàng còn lại, theo quan điểm của chúng tôi. VCB xếp hạng cao và đang được giao dịch tại P/BV 3.8x (Nguồn: Bloomberg), là mức P/BV cao trong ngành. Những ngân hàng có xếp hạng CAMEL thấp như là SHB hoặc LPB giao dịch ở mức thấp P/BVs khoảng 0.5x (Xem Hình 1 trong phần chú thích). Ngược lại, ACB và MBB giao dịch chỉ ở P/BV là 1.5x và 1.4x, mặc dù có những điểm CAMEL gần tương đồng với VCB. Chúng tôi cho rằng đặc tính này xuất phát từ tình trạng hết room ngoại của cổ phiếu.

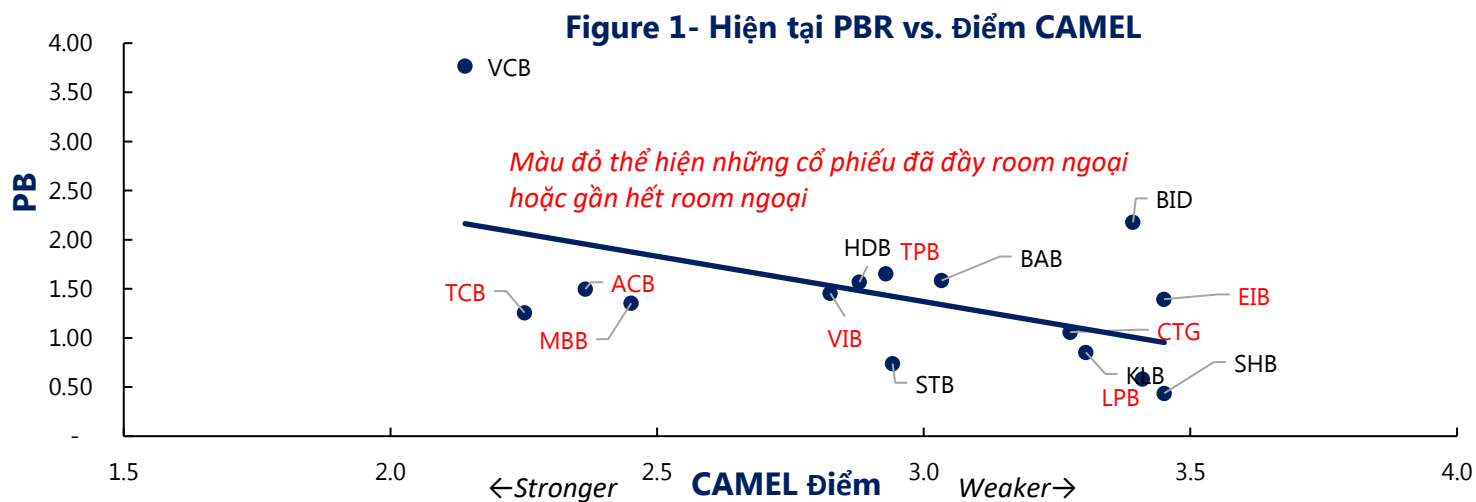
Bảng 1- Yuanta Vietnam Danh mục theo dõi

Yuanta Vietnam Coverage Universe										
Sector	Company	Stock code	Market cap (USDm)	3-month ADT (USDm)	Yuanta Rating	Current price (VND)	Target price (VND)	Up (down) side	2019E Dividend yield	12-m TSR*
Banks	BIDV	BID VN	5,141	1.6	BUY	34,900	38,713	11%	2.5%	13%
	MB Bank	MBB VN	2,022	2.6	BUY	22,200	29,889	35%	3.2%	38%
	Sacombank	STB VN	793	1.5	BUY	10,200	14,101	38%	0.4%	39%
	Vietcombank	VCB VN	12,195	2.4	BUY	76,300	75,275	-1%	1.2%	0%
Brokers	HCM City Securities	HCM VN	258	0.6	BUY	19,600	36,219	85%	4.7%	89%
	Saigon Securities	SSI VN	479	1.4	HOLD	21,850	26,125	20%	4.7%	24%
	Viet Capital Securitie	VCI VN	236	0.1	BUY	33,600	43,850	31%	3.7%	34%
	VNDirect Securities	VND VN	130	0.2	BUY	14,500	21,029	45%	4.7%	50%
Consumer	Masan Group	MSN VN	3,808	1.5	BUY	75,600	93,035	23%	2.0%	25%
	Phu Nhuan Jewelry	PNJ VN	835	1.9	BUY	87,000	118,489	36%	2.3%	38%
	Digiworld	DGW VN	42	0.5	BUY	23,500	31,574	34%	5.0%	39%
Oil & GAS	PV Drilling	PVD VN	286	2.5	BUY	15,750	24,535	56%	3.2%	59%
Property	Nam Long	NLG VN	317	1.3	BUY	32,100	32,000	0%	1.6%	1%
	Vinhomes	VHM VN	11,966	3.2	BUY	82,900	94,862	14%	1.2%	16%

* Lưu ý: TSR = Tổng lợi nhuận của cổ đông trong 12 tháng tới, bao gồm thay đổi giá cổ phiếu và cổ tức dự kiến.

Dữ liệu giá tính đến ngày 13 tháng 8 năm 2019.

Nguồn: Bloomberg, Yuanta Việt Nam



Nguồn: Bloomberg, Yuanta Vietnam

Bảng 2- Xếp hạng có trọng số cho từng thành phần của mô hình CAMEL

Tổng hợp	ACB	BAB	BID	CTG	EIB	HDB	KLB	LPB	MBB	SHB	STB	TCB	TPB	VCB	VIB	VPB
An toàn vốn	2.9	3.4	3.8	4.1	3.5	3.2	3.1	3.8	2.6	3.3	3.5	2.0	3.3	2.7	2.8	2.1
Chất lượng tài sản	2.1	2.4	3.5	2.5	3.4	3.3	3.4	3.4	2.9	4.0	3.4	3.3	3.5	2.3	3.6	4.1
Quản lý	2.5	3.1	3.8	3.7	4.2	2.4	2.9	3.4	2.5	3.4	2.8	1.7	2.6	2.5	2.3	3.1
Thu nhập	2.4	3.9	3.6	3.5	4.1	2.2	3.9	3.4	1.7	3.7	3.5	1.8	1.6	1.9	1.8	2.3
Thanh khoản	1.9	2.4	2.3	2.5	2.1	3.3	3.2	3.1	2.6	2.9	1.5	2.4	3.7	1.4	3.7	3.5
Điểm CAMEL	2.4	3.0	3.4	3.3	3.5	2.9	3.3	3.4	2.5	3.5	2.9	2.3	2.9	2.1	2.8	3.0

Nguồn: Dữ liệu công ty, Yuanja Vietnam

Lưu ý: đối với số liệu CAR, chúng tôi tiếp tục sử dụng dữ liệu 2018A vì chúng tôi không có dữ liệu đầy đủ cho tất cả các ngân hàng có dữ liệu CAR trong 2Q19.

Bảng 3- Cập nhật xếp hạng CAMEL của 2Q19

	2Q19	ACB	BAB	BID	CTG	EIB	HDB	KLB	LPB	MBB	SHB	STB	TCB	TPB	VCB	VIB	VPB
An toàn vốn	Tier 1 CAR	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
	Tier 2 CAR	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
	CAR	2	5	4	5	1	2	1	3	3	3	3	2	3	2	2	2
	Vốn chủ sở hữu/Tài sản	4	3	5	4	2	3	3	4	3	4	4	1	3	4	3	2
	VCSH/Tài sản + ngoại bảng	3	3	5	4	4	3	2	4	4	4	4	3	4	4	4	3
	VCSH đ/c VAMC/TS đ/c	3	3	4	3	3	2	3	4	2	4	4	1	3	3	3	1
	VCSH hữu hình/ TTS	4	4	5	4	3	3	4	4	3	5	4	1	3	4	3	2
	VCSH đ/c /TTS đ/c	3	3	5	4	4	2	3	4	2	5	4	1	3	3	3	1
	Cho vay liên NH/Tài sản	2	2	3	3	3	3	4	2	3	2	1	3	3	4	2	2
	Cho vay/Tài sản	5	5	5	5	5	4	4	5	3	5	4	2	4	4	5	5
	Room khối ngoại (%)	5	1	1	5	5	4	1	5	1	1	2	3	5	3	2	3
	Áp dụng Basel II	1	5	5	5	5	5	5	5	1	5	5	1	1	1	1	1
	Xu hướng	1.2	3.6	2.5	2.3	3.0	2.2	4.1	1.4	4.4	1.7	3.0	3.6	4.2	1.0	4.4	1.8
Chất lượng tài sản	SML ratio	1	1	3	1	1	2	1	2	2	3	1	2	3	1	2	5
	Nợ xấu nhóm 3	1	1	2	1	3	1	1	1	2	1	1	1	2	1	1	5
	Nợ xấu nhóm 4	1	1	4	4	1	4	4	4	5	3	1	1	5	1	4	5
	Nợ xấu nhóm 5	1	1	4	3	3	2	2	3	1	5	5	5	1	2	5	3
	Nợ xấu & Nợ nhóm 2	1	1	5	3	3	3	2	3	3	5	3	4	5	2	4	5
	Tỉ lệ nợ xấu gộp	1	1	3	2	3	2	2	2	2	4	4	3	3	2	4	5
	Tỉ lệ nợ xấu ròng	2	2	4	3	4	3	3	3	3	5	5	4	4	3	5	5
	LLR / Nợ gộp	4	5	2	2	4	4	5	3	3	2	2	2	3	1	4	1
	LLR / Nợ xấu	1	1	4	1	5	4	4	4	2	5	5	4	3	1	5	5
	GP/ Nợ trả	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
	SPs / NPLs	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
	SPs / NPLs + SMLs	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
	VAMC trái phiếu / tài sản	1	2	1	1	5	3	2	3	1	1	1	1	2	1	1	2
Lãi tích lũy / Tài sản	1	5	1	1	1	4	5	5	1	5	5	3	1	1	1	3	
Khoản phải thu khác / Tài sản	2	1	3	2	4	4	5	3	4	5	3	2	5	3	3	5	
Xu hướng	2.7	3.2	3.8	2.9	2.9	3.1	3.6	3.7	3.3	4.1	2.5	3.7	3.9	2.7	2.9	3.0	
Quản lý	Phí / Thu nhập	3	4	4	3	4	4	4	5	2	3	1	1	3	4	2	4
	Phí / Tài sản	3	5	3	3	4	4	3	4	2	3	2	1	2	3	2	2
	Chi phí / nhu nhập thay đổi	3	2	2	2	5	3	5	3	2	2	5	1	2	1	2	2
	Chi phí / Tài sản	4	1	2	2	3	4	4	3	4	2	4	3	4	2	3	5
	CASA tăng trưởng	3	1	5	5	5	1	1	5	5	5	2	1	5	3	5	5
	Chi phí tín dụng / Tài sản	1	1	5	4	2	2	1	2	4	2	3	2	2	3	2	5
	Chi phí tín dụng thay đổi NIM	1	4	5	5	4	1	3	2	1	5	4	1	1	3	1	1
	Governance xếp hạng	3	5	3	4	5	3	4	4	2	4	3	4	3	2	2	2
	Chất lượng quản lý hiện tại	1	5	3	4	5	2	3	4	1	3	1	2	2	1	1	2
	Xu hướng	3.3	2.4	4.0	3.4	3.5	2.1	2.4	1.9	2.9	2.5	3.4	3.3	2.6	2.3	2.6	4.3
Thu nhập	NIM	2	5	3	4	4	1	4	2	1	5	4	1	1	3	1	1
	Phí / adj doanh thu	3	4	4	3	4	4	4	5	2	3	1	1	3	4	2	4
	Đầu tư inc / adj Doanh thu	5	5	5	3	4	3	4	5	4	5	5	5	1	1	5	5
	Total adj non-int inc / adj. rev.	3	4	3	2	3	3	2	5	1	3	1	1	1	2	2	4
	Chi phí / adj Doanh thu	3	2	2	2	5	3	5	3	2	2	5	1	2	1	2	2
	PPOP / Tài sản	3	5	2	4	5	1	5	4	1	5	5	1	1	1	1	1
	Provisioning / Tài sản	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	5
	OROA	1	4	5	5	5	1	5	3	1	5	5	1	1	1	1	1
	Thu nhập khác / Tài sản	3	5	4	5	5	5	5	5	4	5	4	3	5	4	4	1
	Trước thuế ROA	1	4	5	5	5	1	5	4	1	4	5	1	1	1	1	1
PAT ROA	1	4	4	5	5	1	4	4	1	4	4	1	1	1	1	1	
Min. int / Tài sản	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	

Đòn bẩy trung bình	3	2	5	3	2	2	2	3	2	3	3	1	2	3	2	1	
PATMI ROE	1	4	3	5	5	2	5	4	1	4	5	2	1	1	1	1	
Xu hướng	3.2	3.7	3.8	2.7	3.7	3.3	3.1	2.0	2.1	2.4	2.6	4.1	1.6	1.7	2.0	3.5	
Thanh khoản	Góp LDR	2	2	4	4	2	4	4	3	3	3	1	2	4	1	5	5
	Ròng LDR	2	2	3	4	2	4	4	3	3	3	1	2	4	1	5	5
	Tổng tiền gửi/ Tài sản	1	1	1	2	1	4	4	3	4	2	1	4	5	1	4	5
	Tiền gửi / Nợ	1	1	2	2	1	4	3	3	3	2	1	3	5	1	4	5
	Tài khoản vãng lai / Tiền gửi	2	5	3	3	3	4	5	3	1	4	2	1	2	1	3	3
	LTMT nợ/ Hiện tại tiền gửi	3	5	3	4	5	5	5	5	2	5	3	2	5	1	5	5
	MT Nợ / Totalnợ	1	3	1	1	1	3	3	5	2	5	4	4	5	1	4	5
	LT loans / Total loans	3	3	3	3	4	2	2	2	3	3	2	4	4	3	5	2
	ST tiền gửi / LTMTNợ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Xu hướng	3.6	2.8	2.8	2.0	2.4	3.1	2.7	4.5	4.4	3.1	1.7	3.4	4.1	3.4	3.8	1.8	

PHỤ LỤC I: ĐIỀU KHOẢN CUNG CẤP BÁO CÁO, TUYÊN BỐ VÀ CÔNG BỐ

Chứng nhận phân tích

Mỗi nhà phân tích nghiên cứu chịu trách nhiệm chính cho nội dung của báo cáo nghiên cứu này, toàn bộ hoặc một phần, xác nhận rằng đối với từng nhà bảo mật hoặc nhà phát hành mà nhà phân tích đề cập trong báo cáo này: (1) tất cả các quan điểm thể hiện chính xác cá nhân của họ quan điểm về những chứng khoán hoặc tổ chức phát hành; và (2) không có phần bồi thường nào của anh ấy hoặc cô ấy, hoặc sẽ, trực tiếp hoặc gián tiếp, liên quan đến các khuyến nghị hoặc quan điểm cụ thể được thể hiện bởi nhà phân tích nghiên cứu đó trong báo cáo nghiên cứu

Đánh giá	Lợi nhuận dự kiến trong vòng 12 tháng tới
MUA	Trên 10%
GIỮ	Giữa -10% to +10%
BÁN	Dưới -10%

MUA: Chúng tôi có triển vọng tích cực về cổ phiếu dựa trên lợi nhuận tuyệt đối hoặc tương đối dự kiến của chúng tôi trong thời gian đầu tư. Luận án của chúng tôi dựa trên phân tích của chúng tôi về triển vọng của công ty, hiệu quả tài chính, chất xúc tác, định giá và hồ sơ rủi ro. Chúng tôi khuyến các nhà đầu tư thêm vào vị trí của họ.

GIỮ-vượt trội: Theo quan điểm của chúng tôi, các yếu tố cơ bản của cổ phiếu tương đối hấp dẫn hơn so với các công ty cùng ngành ở mức giá hiện tại. Luận án của chúng tôi dựa trên phân tích của chúng tôi về triển vọng của công ty, hiệu quả tài chính, chất xúc tác, định giá và hồ sơ rủi ro.

GIỮ-Không phù hợp: Theo quan điểm của chúng tôi, các nguyên tắc cơ bản của cổ phiếu tương đối kém hấp dẫn hơn so với các công ty cùng ngành ở mức giá hiện tại. Luận án của chúng tôi dựa trên phân tích của chúng tôi về triển vọng của công ty, hiệu quả tài chính, chất xúc tác, định giá và hồ sơ rủi ro.

BÁN: Chúng tôi có triển vọng tiêu cực đối với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận tuyệt đối hoặc tương đối dự kiến của chúng tôi trong thời gian đầu tư. Luận án của chúng tôi dựa trên phân tích của chúng tôi về triển vọng của công ty, hiệu quả tài chính, chất xúc tác, định giá và hồ sơ rủi ro. Chúng tôi khuyến các nhà đầu tư giảm vị trí của họ.

Đang xem xét: Chúng tôi tích cực theo dõi công ty, mặc dù các ước tính, xếp hạng và giá mục tiêu của chúng tôi đang được xem xét.

Hạn chế: Xếp hạng và giá mục tiêu đã tạm thời bị đình chỉ để tuân thủ các quy định hiện hành và / hoặc chính sách Yuanta.

Lưu ý: Phạm vi nghiên cứu của Yuanta với Giá mục tiêu được dựa trên thời gian đầu tư là 12 tháng. Phạm vi bảo hiểm của China Discovery Series không có Giá mục tiêu 12 tháng chính thức và khuyến nghị dựa trên thời gian đầu tư được chỉ định bởi nhà phân tích trong báo cáo.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm toàn cầu

© 2018 Yuanta. Đã đăng ký Bản quyền. Thông tin trong báo cáo này đã được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi tin là đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về tính đầy đủ hoặc chính xác của nó. Nó không phải là một đề nghị để bán hoặc chào mời một đề nghị để mua bất kỳ chứng khoán. Tất cả các ý kiến và ước tính trong báo cáo này cấu thành phán quyết của chúng tôi kể từ ngày này và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ cung cấp thông tin chung. Cả thông tin và bất kỳ ý kiến nào được nêu ở đây đều cấu thành một đề nghị hoặc lời mời thực hiện một đề nghị mua hoặc bán chứng khoán hoặc các khoản đầu tư khác. Tài liệu này được chuẩn bị để lưu hành chung cho khách hàng và không nhằm cung cấp lời khuyên đầu tư phù hợp và không tính đến tình hình tài chính cá nhân và mục tiêu của bất kỳ người cụ thể nào có thể nhận được báo cáo này. Các nhà đầu tư nên tìm kiếm lời khuyên tài chính liên quan đến sự phù hợp của việc đầu tư vào bất kỳ chiến lược chứng khoán, đầu tư hoặc đầu tư nào được thảo luận hoặc khuyến nghị trong báo cáo này. Thông tin trong báo cáo này đã được tổng hợp từ các nguồn được cho là đáng tin cậy nhưng không có đại diện hay bảo hành, rõ ràng hay ngụ ý, được thực hiện về tính chính xác, đầy đủ hoặc chính xác của nó. Báo cáo này không (và không nên được hiểu là) một sự xúi giục làm người môi giới chứng khoán hoặc đại lý trong bất kỳ khu vực tài phán nào của bất kỳ người nào hoặc công ty không được phép thực hiện kinh doanh đó trong phạm vi quyền hạn đó.

Nghiên cứu Yuanta chỉ được phân phối tại Hoa Kỳ cho các Nhà đầu tư tổ chức lớn của Hoa Kỳ (theo quy định tại Quy tắc 15a-6 theo Đạo luật Giao dịch Chứng khoán năm 1934, theo cách giải thích và nhân viên của SEC). Tất cả các giao dịch của một người Mỹ trong các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này phải được thực hiện thông qua một đại lý môi giới đã đăng ký theo Mục 15 của Đạo luật Giao dịch Chứng khoán năm 1934, như đã sửa đổi. Nghiên cứu Yuanta được phân phối tại Đài Loan bởi Yuanta Securities Investment Consulting. Nghiên cứu Yuanta được phân phối tại Hồng Kông bởi Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, được cấp phép tại Hồng Kông bởi Ủy ban Chứng khoán và Tương lai cho các hoạt động được quy định, bao gồm cả hoạt động được quy định Loại 4 (tư vấn về chứng khoán). Tại Hồng Kông, báo cáo nghiên cứu này không được phân phối lại, truyền lại hoặc tiết lộ, toàn bộ hoặc một phần hoặc bất kỳ hình thức hay cách thức nào, mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited.

YUANTA SECURITIES NETWORK



VĂN PHÒNG YUANTA VIỆT NAM

Head office: 4th Floor, Saigon Centre, Tower 1, 65 Le Loi Boulevard, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC, Vietnam

Institutional Research

Matthew Smith, CFA
Head of Research
Tel: +84 28 3622 6868 (ext. 3815)
matthew.smith@yuanta.com.vn

Binh Truong
Deputy Head of Research (O&G, Energy)
Tel: +84 28 3622 6868 (3845)
binh.truong@yuanta.com.vn

Quang Vo
Analyst (Consumer)
Tel: +84 28 3622 6868 (ext. 3872)
quang.vo@yuanta.com.vn

Tanh Tran
Analyst (Banks)
Tel: +84 28 3622 6868 (3874)
tanh.tran@yuanta.com.vn

Tam Nguyen
Analyst (Property)
Tel: +84 28 3622 6868 (ext. 3874)
tam.nguyen@yuanta.com.vn

Institutional Sales

Huy Nguyen
Head of Institutional sales
Tel: +84 28 3622 6868 (3808)
Huy.nguyen@yuanta.com.vn

Duyen Nguyen
Sales Trader
Tel: +84 28 3622 6868 (ext. 3890)
duyen.nguyen@yuanta.com.vn